

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE THE SAN
Last Middle First

Current Address: 20^c/55 St. no 3-2 P.12 Q.10. HCM city

Date of Birth: 1933 Place of Birth: Hue

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/75 To 5/83
Years: 8 Months: 1 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FAMILY NAME ACCOMPANY

NAME :

DATE OF BIRTH

1	LE THI THU VAN	5.9.65	younger sister
2	LE THI THU NGUYET	20.1.69	"
3	LE THI THU THAO	20.1.72	"
4	LE THE VU	20.1.70	younger brother
5	LE THE BAO	14.11.74	

BỘ NỘI VỤ
Trại Tịch Lành
Số 138 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972.

19817816002

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 2549 ngày 30 tháng 10 năm 1982 của UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

LÊ THẾ SƠN

Sinh năm 19 83.

Các tên gọi khác:

Nơi sinh

Quảng Đông Thừa Thiên.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Hà Tiên Công Nhân tốt nghiệp.

Can tội

Chiếm đoạt vũ khí thường pháo binh.

Bị bắt ngày

1/4/1975

Án phạt

5CC5.

Theo quyết định, án văn số

499

ngày

5

tháng

4

năm

1975

của

Cán bộ 5.

Đã bị tăng án

lần, cộng thêm

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

Hà Tiên Công Nhân tốt nghiệp.

Nhận xét quá trình cải tạo

Vì an tâm học tập cải tạo tin tưởng và đồng lòng chiến đấu của Đảng và Nhà nước Thủy Đức tôi lỗi của mình. Trong lúc đồng ý có nhiều cố gắng đảm bảo mọi việc cũng như qui chấp hành kỷ luật tốt và có gì tôi xin báo.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường.

Hà Tiên Công Nhân tốt nghiệp.

Trước ngày 14 tháng 6 năm 19 83

Lưu tay ngôn từ phải

Chữ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 14 tháng 5 năm 19 83

Giám thị

Của

Đanh bản

Lập tại

Le Sheson

Lê Thế Sơn

Hoàng Ngọc Dương

Norm Xê thâu
Xê nhân tẩu vì đã
Cứu kho rồi đưa Fuy xing cho đã
Nạp hồ sơ của Trại

Số quân: 53/200.856

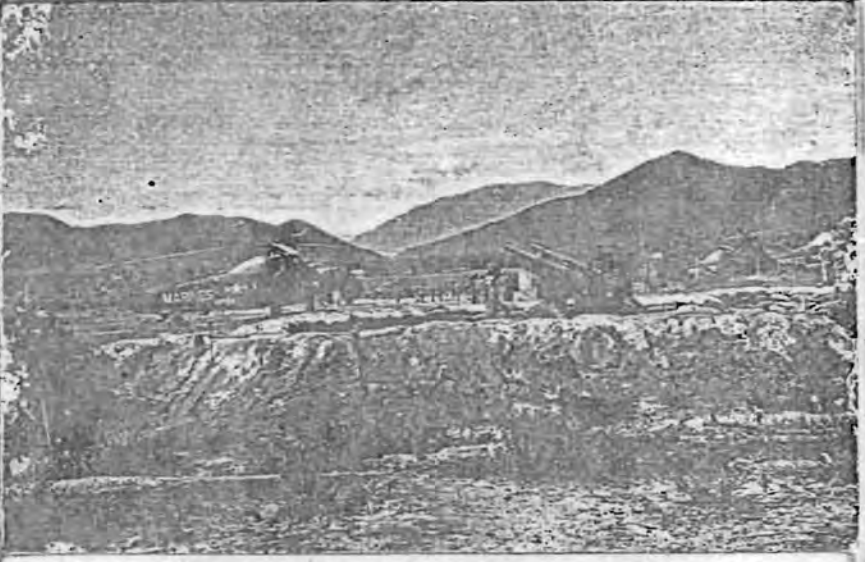
Hội đồng 30/1/33
Đã được
Đã được

Tên của Khẩu

phần

CB 304089

LA 268



SỞ TƯ-PHÁP HUẾ

TÒA ~~Hoà-giai~~ Quốc QuânSố 493 Huông-thuyNgày 24-12-56**Chứng-chỉ Thê vì khai-sanh**LE - THE - SAN

Năm một nghìn chín trăm năm mươi Sáu, tháng mười hai
 ngày hai mươi bốn giờ.

Trước mặt chúng tôi là Ông TONG-VIET-VAN

Chánh-An Tòa Hoà-giai Quốc Quân Huông-thuy ngồi tại Văn-Phòng

có Ông ONG-SI-CHUONG - lực sự giúp việc.

Có Ông, bà LE - THE - SAN 23 tuổi nghề nghiệp

Binh-sĩ Q.D.V.N.C.H trú tại Tiêu-đoàn 26 Pháo-binh

thê kiểm-tra số 000005 ngày 19-9-55 do Quân

Huông-Thuy cấp, đến trình rằng hiệu không, thê xin trích lục

khai-sanh của LE - THE - SAN sanh ngày

1 tháng 1 năm 1933 tại làng Phu-luong

huyện Quang-diên tỉnh Thua-thiên được vì là

Chiên-tranh nên số bỏ bị thất-lạc ca

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các nhân chứng có tên
 kê sau đây để lập chứng-chỉ thay thê chứng-thư hộ tịch nói trên

LIÊN ĐÓNG CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN

10) LE - CHUNG 36 tuổi, nghề Binh-sĩ

trú tại Tiêu-đoàn 26 Pháo-binh K.B.C 4.869

thê kiểm tra số 000101 ngày 19-9-55 do Quân Huông-thuy cấp

20) NGUYEN - TIEM 26 tuổi, nghề Binh-sĩ

trú tại Tiêu-đoàn 26 Pháo-binh K.B.C 4.869

thê kiểm tra số 000070 ngày 19-9-1955 do Quân Huông-thuy cấp

30) TRAN - HUU & THI 35 tuổi, nghề Binh-sĩ

trú tại Tiêu-đoàn 26 Pháo-binh K.B.C 4.869

thê kiểm tra số 000253 ngày 21-9-55 do Quân Huông-Thuy cấp

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334-337

H.V. BÌNH-LUẬT phạt tội nguy chứng về việc hộ, đồng cam đoan quả quyết

biết chắc tên LE - THE - SAN

sanh ngày Mồng một tháng

Giêng năm Một ngàn chín trăm ba mươi ba

tại làng Phu-luong huyện Quang-diên

tỉnh Thua-thiên con ông LE - THE - SANG và bà

HOANG - THI - GIONG Hai ông, bà này đã chính thức lấy nhau

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai sanh nói trên được vì là Chiến-tranh nân số đỏ.

hị thất-lạc ca

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H.V. HỢ LUẬT, lập chứng chỉ thể vi, khai, sanh này cho tên LE - THE - SAN sinh ngày 04 Tháng một năm 1933 tháng Giêng năm một ngàn chín trăm ba mươi ba (1-1-1933).

tại làng Phu-Luong huyện Quang-diên tỉnh Thua-thiên.
nguồn ông LE - THE - SANG và bà HOANG - THI - GIONG
đề cấp cho đương sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chứng lời và ông lục-sự sau khi nghe đọc lại.

Lục-Sự,

Chánh-án,

DONG - S I 6-CHUONG

TONG - VIEE - VAN

Những người chứng và đương sự đứng xin,

(1) LE-CHUNG

LE - THE - SAN

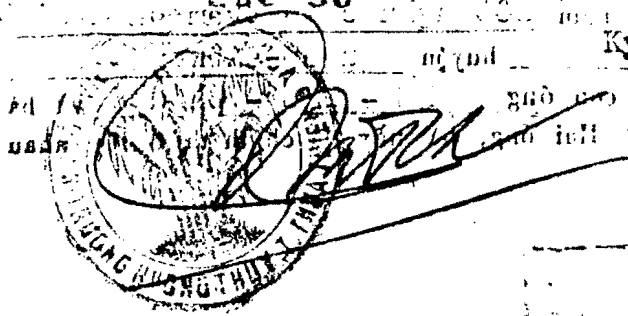
(2) NGUYEN TIEM

TRAN HUU-THI

Trước bạ tại HUE
Ngày 2 tháng 1 năm 1957
Quyển 6 tờ 8 số 2341
Thầu hiên-phí
Chủ Sự,

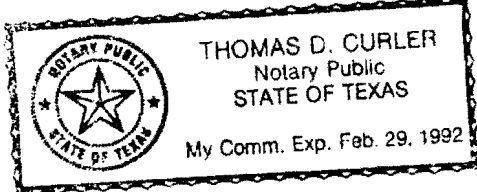
SAC Y CHANH-PAN

Ký tên PHAN-VAN-DAT



53/200 256 CHT/PT/TR/ST

I CERTIFY THIS TO BE A TRUE COPY OF THE ORIGINAL



[Signature]
Notary Public - Bell County, Tx.



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF _____
ODP # _____
(if known) _____
DATE FILED _____

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/K/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
--	-----	-----------------------------------	--------------------	-----------------------

<u>LÊ - THẾ - SAN</u>	M	<u>QUANG ĐUÔNG</u> <u>THỦA - THIÊN</u>	FATHER	<u>THÔN 5</u> <u>XÃ HOÀ AN</u> <u>HUYỆN KRÔNG FÁC, ĐAKLAK</u>
-----------------------	---	---	--------	---

SECTION II:

Your name LÊ - THẾ - DUNG
(and A/K/A) _____
Date of birth 04 - July 1957 Sex M
Place of birth _____
(Include Country) THỦA - THIÊN, HUẾ

Current address _____
HARKER HEIGHTS, TX 76543

Phone Number (home) 817 - _____
(work) N/A

Country of first asylum THAILAND
Date you arrived in the U.S. MAY 9 1989

Social Security Number. _____

Agency through which you came to the United States INTERNATIONAL RESCUE

Alien Number (if applicable) _____

APPLYING FOR GREEN CARD

Your U.S. Immigration Status

(Check one):

() U.S. Citizen

() Permanent Resident

(X) Refugee

() Asylee

() Other (Please Explain): _____

Your Original Case Number:

T.585389

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit Yes X No. If yes, date submitted: _____

and date approved: N/A

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
<u>LÊ THẾ - SAN</u>	<u>1 Jan</u> <u>1933</u>	FATHER	<u>THÔN 5</u> <u>XÃ HOÀ AN</u> <u>HUYỆN KRÔNG FÁC</u> <u>ĐAKLAK</u>

(Revised 10/86)

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: N/A Last Title/Grade: N/A
Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: 3rd BN, ARVN Last Title/Grade: MAJ
Name/Position of Supervisor: MAJ THUAN

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ Date: From 75 to 83

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School: N/A Location: _____
Type of Degree or Certificate: _____
Date Employment or Training: from (month/year) _____ to (month/year) _____

ASIAN AMERICANS

Single _____ Married _____ Male N/A Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father: _____
His current address: _____

SECTION IV:

NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P./

See Included form(1)

ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Your Signature

Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to me before this _____ day
of _____, 19____

Signature of Notary Public
My commission expires: _____

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly

Signature

Questionnaire for ODP applicants

A. Basic Identification data:

1. Name: SAN THE LE Sex: Male
2. Other name: None
3. Date/place of birth: 1.1.1933 in HUẾ
4. Residence address: Thôn 5 Xã Hòa an huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk VN.
5. Mailing address: 20C/55 đường 3-2 Phường 12 Quận 10 thành phố Hồ Chí Minh.
6. Current occupation: Cultivator

B. Relatives to accompany me

#	Name	Date of birth	Place of birth	Sex	Marital status	Relationship
1.	Trần THE LE	5.5.1959	DANANG	Male	Single	Son
2.	Hải THE LE	10.3.1967	DANANG	-	-	Son
3.	Nguyễn Thị LÊ	20.1.1969	TAM KY	Female	-	Daughter
4.	Vũ THE LE	20.1.1970	DANANG	Male	-	Son
5.	Thảo THE LE	20.1.1972	-	Female	-	Daughter
6.	Bảo THE LE	14.11.1974	-	Male	-	Son

C. Relatives Outside Vietnam:

1. Closest relative in the U.S.
 - a. Name: DUNG THE LE
 - b. Relationship: Son
 - c. Address: 901 ST Harley apt D Harker Heights Texas
 - d. Date of relatives arrival in the US: March 7th 1989
2. Closest relatives in other foreign countries: None

D. Complete family listing (living/dead)

1. Father: SANG THE LE - Dead
2. Mother: GIONG THI HOANG - Dead
3. Spouse: HANH THI PHAN - Dead
4. Children: SON THE LE - Living
 - DUNG THE LE -
 - TUAN THE LE -
 - THUY THI LE -
 - PHONG THE LE -
 - VÂN THI LE -
 - HAI THE LE -
 - NGUYET THI LE -
 - VŨ THE LE -
 - THAO THI LE -
 - BAO THE LE -

5. Siblings:
 - SU THI EE - Dead
 - SA THE LE - Living
 - SUM THE LE - Living
 - SAM THI LE - Living

E. Employment by US Government Agencies or Other US organization if you or your spouse

None.

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse:

1. Name of person service: SAN LETHE
2. Dates: From: December 1st 1953 To: April 1st 1975
3. Last Rank: Major Serial number: 53/200356
4. Ministry/office/Military unit: Quảng Trị Sector & Artillery Headquarter
5. Name of supervisor/co: Colonel Xuân Hồng Đào
6. Reason for separation: 1975 Event

7. Name of American Advisor. = Don't remember.

8. US training Courses in Vietnam: Artillery Battalion Commander (Advanced course)

9. US Awards or Certificates: Distinguished Medal. Date received: 1968.

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse: None.

H. Re-education of you or your spouse.

1. Name of person in Reeducation. SAN THEE

2. Time in reeducation: From: April 1st 1975 To: May 30th 1983.

3.

I. Any additional Remark:

- In 1968: Senior advisor: Captain OATES. 22nd Artillery Battalion in TANKY.
In 1973 — Major Johnson. 3rd Air defense Arty. BE DANANG.

I have been thinking about you a great deal lately, and wondering how you are getting on. I hope you are well and happy. I have been very busy lately, but I have managed to find some time to write to you. I have been thinking about you a great deal lately, and wondering how you are getting on. I hope you are well and happy. I have been very busy lately, but I have managed to find some time to write to you.

LET THE SAIN

HỢP THỨC LƯU TRỮ

THIÊN S XH HOA HƯNG HUYỀN KROINGFA

BAKLAK

2/22/2017 11:11 AM

Agnes Kartrian

1907, June 1

A gift of Mrs. J. H. H. H.

Get a photo taken + identify by which number.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le The San
Last Middle First

Current Address: Thôn 5, Xã Hòa An - Krông Pắc, Daklak - Vietnam

Date of Birth: 01/01/1933 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Thiếu tá chỉ huy trưởng pháo binh
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 1983
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Le The Dung Name
Harker Heights, TX 76543 Address and Telephone Number
#(817) 298-2000

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>Le The Dung</u>	<u>son</u>
<u>Harker Heights, TX 76543</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le The San
Last Middle First

Current Address: Thôn 5, Xã Hòa An - Krông Pắc, Daklăk - Vietnam

Date of Birth: 01/01/1933 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Thiếu tá chỉ huy trưởng pháo binh
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 1983
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Le The Dung Name
Harker Heights, TX. 76543
Address and Telephone Number #(817) 298-0077

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Le The Dung</u>	<u>son</u>
<u>Harker Heights, TX. 76543</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Thê' San
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lê Thê' phong	11/26/62	Son
Lê Thê' Hải	03/10/67	Son
Lê Thê' Vũ	01/20/70	Son
Lê Thê' Bảo	11/14/74	Son
Lê Thê' Thu Nguyệt	01/20/69	Daughter
Lê Thê' Thu Thảo	01/20/78	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

LE THE DUNG

...D

HARKER HEIGHTS, TX. 76543



TO: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÃN CHÍNH TRỊ
C/O BÀ KHUẾ MINH THỐ

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

SEP 18 1989



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le The San
Last Middle First

Current Address: Thôn 5, Xã Hòa An - Krong Paéc, Daklak - Vietnam

Date of Birth: 01/01/1933 Place of Birth: Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Thiếu tá chỉ huy trưởng pháo binh
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 1983
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Le The Dung Name
Harker Heights, TX. 76543 Address and Telephone Number
#(817)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Le The Dung</u>	<u>son</u>
<u>Harker Heights, TX. 76543</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Thê' San
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lê Thê' Phong	11/26/62	Son
Lê Thê' Hải	03/10/67	Son
Lê Thê' Vũ	01/20/70	Son
Lê Thê' Bảo	11/14/74	Son
Lê Thê' Thu Nguyệt	01/20/89	Daughter
Lê Thê' Thu Thảo	01/20/78	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : Lê Thê Sân
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 01 01 1983
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Hợp tho lưu trú
(Dia chi tai Viet-Nam) Thôn 5, Xã Hòa An (Hồng Lạc, Đắk Lắk)
Krong Pac, Daklak Viet nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1983

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại (giáo) Tiên Hào, Kỳ Sơn, Quảng Nam - Đà Nẵng
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Thiếu tá chỉ huy trưởng pháo binh

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N/A
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu tá
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): _____
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Thôn 5, Xã Hòa An
Krong Pac, Daklak Vietnam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Lê Thê Dung
Harker Heights, TX. 76043 U.S.A

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Con thứ 2

NAME & SIGNATURE: Lê Thê Dung
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Lê Thê Dung
Harker Heights, TX. 76043

DATE: 10 12 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Thế Sơn
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lê Thế Phong (Con)	11/26/62	Con
Lê Thế Hải (Con)	03/10/67	Con
Lê Thế Vũ (Con)	01/20/70	Con
Lê Thế Bảo (Con)	11/14/74	Con
Lê Thị Thu Nguyệt (Con)	01/20/69	Con
Lê Thị Thu Thảo (Con)	01/20/72	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : Lê The' Son
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 01 01 1983
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Hợp thê lưũ tũ
(Dia chi tai Viet-Nam) Thôn 5, Xã thũn An (Hồng phúc, Đắk Lắk)
Krong Pac, Daklak Viet nam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1983

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại (giữn) Tiên hũn, Kỳ Sơn, Quảng Nam - Đà Nẵng
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Thiếu tá chỉ huy trưởng pháo binh

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N/A

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu tá

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so):
No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiec

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Thôn 5, Xã thũn An
Krong Pac, Daklak Viet nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Lê Thũ Dung

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co) Harbor Heights, TX. 76543 U.S.A
No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Con thũ 2

NAME & SIGNATURE: Lê Thũ Dung

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Lê Thũ Dung
Harbor Heights, TX. 76543

DATE: 10 12 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Lê Thế Sơn
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Lê Thế Phong (Con)	11/26/62	Con
Lê Thế Hải (Con)	03/10/67	Con
Lê Thế Vũ (Con)	01/20/70	Con
Lê Thế Bảo (Con)	11/14/74	Con
Lê Thị Thu Nguyệt (Con)	01/20/69	Con
Lê Thị Thu Thảo (Con)	01/20/72	Con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Đã gửi hình và giấy photo qua thư
trai B' đây, xin cảm ơn.

LE DUNG

HARKER HEIGHTS 76543
TX



SEP 29 1989

TO: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÃN CHÍNH TRỊ VN.
C/O BÀ KHUẾ MINH THỐ

PO. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635



**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNISTS**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam
P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
F171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

1. Name (Family name, middle, first): Ê THẾ SÂN
(Họ và tên theo thủ tự Việt Nam)
2. Sex: Male DOB: 01 / 01 / 1953 Place of Birth: PHÚ LƯƠNG QUẢNG ĐIỀN THUA THIÊN
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: THIỆU TA CHỈ HUY TRƯỞNG PHẠO BINH TIỂU KHU QUẢNG TRƯ
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG 30/04/75
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: TRẠI TIỀN LÃNH TAM KỲ
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 30/05/83
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: Vợ Phan Thị Tuyết Hạnh "Chết"
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
4. 1. LÊ THỊ THU VÂN 4. LÊ THỊ THU THẢO
5. 2. LÊ THỊ THU NGUYỆT 5. LÊ THẾ BẢO
6. 3. LÊ THẾ YU 6. LÊ THẾ HẢI
3. Address of family: HỘ THƯ LƯU TRỮ, THÔN 5 KÁ HOA AN HUYỆN KRÔNG FÁC ĐAKLAK
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: LE THE DUNG Occupation: HÀN DIỆN
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: 817 DUTCHMAN BLVD HOUSTON TX 77057 HARKER HEIGHTS 76543
(Địa chỉ và điện thoại) Texas
3. Relationship with detainee: CON
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A.: Permanent Resident ☒ U.S. Citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☐ No ☒

Date: 26/9/89
(Ngày, tháng, năm)

LE THE DUNG
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)

LeDume

**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNISTS**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam
P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
H171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): LE THE SAN
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: Male DOB: 01 / 01 / 1933 / Place of Birth: PHU LUNG QUANG DIEN THUA THIEN
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank Agency/Unit: THIEU TA CHIEU TRUONG PHAO BINH TIEN KHU QUANG TIN
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giám giữ)

1. Date & Place of Arrest: QUANG NAM DA NANG 30/4/75
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: TRAI TIEN LAM TAN KY
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 30/5/83
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: Wife: PHAN THI TUYET HANH "CHIEU"
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

1. LE THI THU VAN 4. LE THI THU HA
2. LE THI THU NGUYET 5. LE THE BA
3. LE THE VU 6. LE THE HAI

3. Address of family: HOP THU LUU TRU, THON 5 XA HOA AN, HUYEN Krong Fac, DAU LAK
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: LE THE DUNG Occupation: HAN
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: (817) _____
(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: CON
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A.: Permanent Resident ☒ U.S. Citizen ☐
(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đồng sự không?) Yes ☐ No ☒

Date: 26/9/89
(Ngày, tháng, năm)

LE THE DUNG
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)

le Dung

ĐỘI NỘI VỤ
Tiền Lữ Đoàn
Số 135

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 8 (01-QLTG, ban hành theo công văn 16 ngày 25 tháng 11 năm 1972)

19817816002

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 16-BVA, T. 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ trưởng an văn, quyết định trả số 2814 ngày 30 tháng 10 năm 1982
của UB/D Tỉnh Quảng Nam và Nẵng

Nay cấp giấy trả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên, nơi sinh

LÊ THẾ SẴN

Sinh năm 1923

Các tên gọi khác:

Nơi sinh

Quảng Điền Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

Hòn Tiên Chông Phách Bắc Hải

Cán bộ

Chiều tá Cẩm - ủy trưởng pháo binh

Bị bắt ngày

1/4/1975

Án phạt

5505

Theo quyết định, án văn số

#99

ngày

5

tháng

11

năm

1975

ở Văn phòng

Đã ở, làm an

lần, công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

Hòn Tiên Chông Phách Bắc Hải

Nhà xét quá trình cải tạo

Yêu cầu học tập cải tạo tin tưởng, tôn trọng
thời giờ, cách của Đảng bộ nhà nước, tập thể
tập thể của mình. Luôn luôn giữ gìn kỷ luật
và giữ gìn danh dự của tập thể, công nhân
viên chức kỷ luật tập thể của mình.

Được sự phê chuẩn

điện tại UBND Phường

số

Hòn Tiên Chông Phách Bắc Hải

Thước kẻ

17 tháng

6

năm 1983

Người tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 5 tháng 5 năm 1983

Viết tại

Le He San

Le He San

Quang

Quang Nam và Nẵng